

VỀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔNG Á VÀ ĐÔNG NAM Á: TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC VÀ VẤN ĐỀ SỬ DỤNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA 4 CON RỒNG

HỒ SĨ QUÝ^(*)

*Tóm tắt: Mô hình phát triển Đông Á và Mô hình phát triển Đông Nam Á là hai khái niệm được David Dapice và các chuyên gia Harvard sử dụng trong báo cáo tư vấn cho Chính phủ Việt Nam 2008. Báo cáo chỉ ra những kinh nghiệm thành công của Hàn Quốc, Đài Loan và một số nước Đông Á khác trong quá trình trở thành các nước công nghiệp (NICs/NIEs)^(**) và những kinh nghiệm thất bại (tương đối) của các nước Đông Nam Á đến nay vẫn chưa (hoặc không) vượt qua được cái bẫy của sự phát triển. Bài viết bàn về khả năng ứng dụng cho sự phát triển ở Việt Nam từ góc độ văn hóa và con người; gồm các nội dung: 1) Tham vọng của thời tăng trưởng và những lời cảnh báo. 2) Rồng, hổ Đông Á và những bài học gây ấn tượng. 3) Mô hình Đông Á và Đông Nam Á của David Dapice và các cộng sự. 4) Các gợi ý cho Việt Nam.*

I. Tham vọng của thời tăng trưởng và những lời cảnh báo

1. Từ giữa năm 2008, ở Việt Nam, việc bàn cãi về mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á đột nhiên nổi lên thành một vấn đề nóng. Trong một vài chương trình nghị sự ở tầm quốc gia, tại một số diễn đàn lý luận, trên một loạt bài báo trên các trang web và đặc biệt, trong những trao đổi không chính thức giữa các học giả, các chính khách và các nhà hoạt động xã hội khác, người ta bắt đầu nêu vấn đề: Việt Nam sẽ phát triển theo mô hình nào - Đông Á hay Đông Nam Á? Thực chất của vấn đề là, với những gì mà Việt Nam đã đạt được thì sự phát triển tiếp theo – theo quán

tính của thời kỳ đổi mới – sẽ tiếp nhận vào nó cấu trúc của mô hình Đông Á với những nhân tố tích cực của điều tiết vĩ mô và sử dụng nguồn lực, hay sẽ không tránh khỏi phải rơi vào mô hình Đông Nam Á với đầy rẫy những tiêu cực của cạm bẫy phát triển? Đang cất cánh, nhưng Việt Nam liệu có thể “hóa rồng”, theo kiểu Hàn Quốc, Đài Loan,... như tiên liệu của những dự báo lạc quan, hay đó chỉ là tham vọng lãng mạn của một thời tăng trưởng? Và, nếu như

^(*) PGS., TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội. www.hosiquy.com; Hosiquy@fpt.vn.

^(**) NICs – Các nước công nghiệp hóa mới (Newly Industrialized Countries); NIEs – Các nền kinh tế công nghiệp hóa mới (Newly Industrialized Economies).

Đông Nam Á là mô hình “định mệnh”, thuật ngữ của các chuyên gia Harvard, thì phải chăng, đến một lúc nào đó, có thể là vài chục năm sau, nhiều lắm Việt Nam cũng chỉ được như Thailand hay Philippines mà thôi? (Xem: 8, 17)^(*).

Khác với những năm trước 2007, giấc mơ hóa rồng của Việt Nam càng ngày càng bị soi xét, hoài nghi cùng với ảnh hưởng xấu của khủng hoảng tài chính thế giới và cơn lăm phát giữa năm 2008 trong nền kinh tế Việt Nam.

2. Thực ra, vấn đề mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á được gọi ra và khởi xướng thảo luận chỉ bắt đầu từ khi các chuyên gia Đại học Harvard công bố Báo cáo: *“Lựa chọn thành công: Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai Việt Nam. Một khuôn khổ chính sách phát triển kinh tế – xã hội cho Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020”*. Đây là tài liệu do Chương trình châu Á thuộc Đại học Harvard soạn thảo với sự hỗ trợ của UNDP Hà Nội nhằm đáp ứng yêu cầu tham vấn của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng về bản dự thảo *Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020*.

Tài liệu này được công bố tháng 1/2008, chính thức post lên mạng của UNDP tháng 5/2008, nhưng ngay trước đó tài liệu đã được tìm đọc khá rộng rãi. Nhóm tác giả của tài liệu này gồm một số nhà khoa học Mỹ thuộc Đại học Harvard và một số chuyên gia Việt Nam thuộc Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright Việt Nam, do GS. David

Dapice chỉ đạo nghiên cứu và soạn thảo. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã trực tiếp nghe và đối thoại với nhóm tác giả vào đầu năm 2008.

Tiếp theo báo cáo này, nhóm tác giả David Dapice còn công bố thêm các nghiên cứu bổ sung khác cùng chủ đề về tình hình kinh tế và sự phát triển ở Việt Nam. Những nghiên cứu này được biết dưới cái tên “Bài thảo luận chính sách” hiện đã xuất bản đến số 4. Xin được điểm tên các bài “Bài thảo luận chính sách” để tiện hình dung chủ đề và mối quan tâm của nhóm chuyên gia:

- *Tình trạng bất ổn vĩ mô: Nguyên nhân và phản ứng chính sách*. Bài thảo luận chính sách số 1, ngày 20/2/2008.

- *Vượt qua khủng hoảng và đẩy mạnh cải cách*. Bài thảo luận chính sách số 2, ngày 19/5/2008.

- *Nguyên nhân sâu xa về mặt cơ cấu của bất ổn vĩ mô*. Bài thảo luận chính sách số 3, ngày 18/9/2008.

- *Thay đổi cơ cấu: giải pháp kích thích có hiệu lực duy nhất*. Bài thảo luận chính sách số 4, ngày 1/1/2009.

3. Phải thừa nhận rằng, các nghiên cứu của nhóm tác giả Đại học Harvard đã nhận được sự quan tâm khá đặc biệt của giới trí thức và các nhà hoạt động chính trị – kinh tế – xã hội. Điều này có lý do thú vị của nó nằm ở “bảng giá trị” của đời sống tinh thần xã hội Việt Nam. Rõ ràng, ý kiến của các chuyên gia Harvard được quan tâm hơn, được nhìn nhận thiện cảm hơn, trong khi các ý kiến khác của một số học giả Việt Nam cũng rất có giá trị hoặc cũng rất đáng lưu tâm thì lại không mấy ai để ý. Sự thực, bên cạnh những đánh giá tích cực về tốc độ tăng trưởng kinh tế và bước phát triển đầy ấn tượng của xã hội Việt Nam, báo cáo của các chuyên gia

^(*) Vào tháng 3/2006, theo tính toán của Il Houn Lee và một số chuyên gia IMF, nếu các nước ASEAN và Việt Nam vẫn cứ tăng trưởng như 10 năm trước đó, Việt Nam sẽ mất 18 năm để đuổi kịp Indonesia, 34 năm để đuổi kịp Thailand và 197 năm để đuổi kịp Singapore (xem: 17).

Harvard cũng là những lời cảnh báo khách quan đối với giấc mơ hóa rồng kinh tế Việt Nam, dù trước đó đã có không ít những lời cảnh báo tương tự.

Các báo cáo của nhóm chuyên gia Harvard được phổ biến chủ yếu là qua Internet; người ta tìm đọc, bàn luận, hưởng ứng, tán đồng và phê phán... nhiệt tình, nhưng rất ít công bố trên báo và tạp chí in. Chỉ một số bài viết của các học giả Việt Nam ở nước ngoài triển khai sâu thêm về các chủ đề được bàn. Tâm điểm của bàn luận là kinh tế và phần đông những người tham gia bàn luận cũng chú ý nhiều đến phương diện kinh tế – nền kinh tế Việt Nam đang gặp những trở ngại gì và làm thế nào để vượt qua những trở ngại ấy. Dễ thấy là vấn đề mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á chỉ được các chuyên gia Harvard trực tiếp bàn đến trong báo cáo đầu tiên (chúng tôi sẽ đề cập chi tiết hơn lập luận của báo cáo về hai mô hình này ở phần sau). Những *Bình luận chính sách* tiếp theo nặng về các vấn đề kinh tế. Tuy vậy, do các vấn đề kinh tế được bàn đến đều ở tầm vĩ mô nên hầu hết các ý kiến đều có dụng đến định hướng phát triển và mô hình phát triển. Hơn thế nữa, những so sánh đối chiếu của các báo cáo cũng chủ yếu so sánh với các nước thuộc Đông Á và Đông Nam Á.

Một điều thú vị khác cũng cần thiết phải nói ở đây là, độc giả Việt Nam, theo quan sát của chúng tôi, hình như không mấy ai hoài nghi về hai mô hình này cũng như về các phân tích khác hoặc về các số liệu mà nhóm chuyên gia Harvard đã công bố. Nhưng cũng có thể có người hoài nghi mà không tiện phản bác, nhất là phản bác trên báo chí – bởi, năm 1994, đa số độc giả Việt Nam đều đã biết đến cuốn sách “Theo hướng rồng bay...” khá nổi tiếng về cải cách kinh tế

ở Việt Nam mà GS. David Dapice và Dwight Perkins chính là những tác giả (xem: 25).

4. Câu hỏi đặt ra là, với tính cách là *mô hình của sự phát triển* thì *Đông Á* và *Đông Nam Á* có đúng là hai mô hình phát triển hay không? *Đông Á*, như thuật ngữ mà các chuyên gia Harvard đã sử dụng, bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hongkong và Singapore, và *Đông Nam Á* bao gồm Indonesia, Malaysia, Philippines và Thailand^(*) liệu có hội đủ trong nó những nội hàm khách quan và liệu có đủ chặt chẽ về mặt logic để được coi là *mô hình của sự phát triển* hay không? Còn, nếu chưa đủ chính xác để tồn tại với tính cách là những khái niệm khoa học dùng để chỉ *mô hình phát triển*, thì phải chăng *vấn đề Đông Á - Đông Nam Á* hóa ra chỉ là *giả vấn đề*, hoặc những phân tích của các chuyên gia Harvard, rốt cục, sẽ chẳng còn mấy giá trị?

Những câu hỏi này không quá khó, nhưng cũng không dễ trả lời cho đủ thuyết phục. Trong bài, chúng tôi sẽ cố gắng trả lời một phần những câu hỏi này.

Dẫu sao, tiếng nói cảnh báo phát đi từ những phản biện chính thức của GS. David Dapice và các chuyên gia Harvard trước Thủ tướng Chính phủ vẫn có sức nặng hơn nhiều so với những lời cảnh báo khác.

(*) David Dapice và các chuyên gia Harvard đã sử dụng *Đông Á* và *Đông Nam Á* như những khái niệm làm việc, Singapore nằm ở Đông Nam Á nhưng được coi là thuộc về Đông Á vì quốc gia này đi theo mô hình tăng trưởng Đông Á. Trung Quốc là trường hợp đặc biệt vì sự phát triển ở đây có nhiều điểm khác với các nước Đông Á khác. Các tác giả không coi Lào, Myanmar, Campuchia, Brunei, Đông Timor là đối tượng trong mô hình Đông Nam Á.

Để bàn về cái mà các chuyên gia Harvard gọi là mô hình Đông Á, chúng tôi thấy cần thiết phải đi ngược lại với cội nguồn của vấn đề – *Mô hình phát triển Đông Á*, nếu có, thì từ đâu ra.

II. Rồng, hổ Đông Á và những bài học gây ấn tượng

1. Vào những năm 90 (thế kỷ XX), với một quan niệm rất tương đối, những nước công nghiệp mới ở châu Á gồm Hàn Quốc, Đài Loan, Hongkong và Singapore (NICs/NIEs) khi thì được gọi là những con rồng, khi thì được gọi là những con hổ. Người châu Âu không có thiện cảm với rồng, thậm chí coi rồng là độc ác nên thích gọi những nước này là hổ, còn người châu Á lại ngưỡng mộ rồng nên thích gọi những nước này là rồng. Nhưng gần đây, cũng không thật chặt chẽ, báo chí lại phân biệt rồng với hổ. Người ta coi hổ châu Á gồm những nước mới nổi: Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand và đôi khi cả Trung Quốc. Việt Nam cũng đã có lần được Tổng thống G. Bush gọi là “con hổ trẻ” (young tiger – xem: 2). Cách nói bóng bẩy “Sự thần kỳ Đông Á” (hay “Sự thần kỳ châu Á”), do thay đổi quan niệm về rồng và hổ nên cũng được hiểu rộng rãi hơn. Nếu trước kia “Sự thần kỳ Đông Á” chỉ dùng để nói về 4 con rồng thì nay thường để gọi chung cho hiện tượng phát triển nhanh ở cả các nước công nghiệp mới và cả ở khu vực này. Trong tình trạng sử dụng thuật ngữ “cởi mở” như vậy, có thể thấy, các khái niệm “Mô hình Đông Á” và “Mô hình Đông Nam Á” mà GS. David Dapice và các chuyên gia Harvard sử dụng, rõ ràng, lại thêm một lần nữa “làm phong phú hơn” sự phân loại về phát triển ở đây.

Dẫu sao, vấn đề vẫn chưa thoát ly khỏi cơ sở khách quan, hiện thực và hiển nhiên của nó - Đó là sự tăng

trưởng và phát triển nhanh của nhiều nước trong khu vực Đông Á.

2. Như mọi người đều biết, khoảng hơn 20 năm nay, Đông Á với sự trỗi dậy của Hàn Quốc, Đài Loan, Hongkong và Singapore là chủ đề không xa lạ với giới lý luận và các nhà hoạt động chính trị, xã hội. Sự xuất hiện của 4 con rồng châu Á được coi là điều kỳ diệu của thế kỷ XX. Trên khắp các diễn đàn từ Đông sang Tây, người ta đã nhiều lần mổ xẻ sự phát triển thần kỳ của các nền kinh tế này nhằm tìm ra bài học kinh nghiệm cho các nước chậm phát triển, và cả các nước phát triển. Tầm gương công nghiệp hóa thần tốc của Đông Á cho tới nay vẫn là liều thuốc kích thích, gây ấn tượng mạnh với các nước đi sau:

- Không nhất thiết phải đi qua hàng trăm năm tích lũy và cải tạo tư bản chủ nghĩa như châu Âu, các nước đi sau có thể nhanh chóng tiến tới thịnh vượng và phồn vinh trong một xã hội công nghiệp.

- Không nhất thiết phải có nguồn lực tự nhiên giàu có và đa dạng, trong xã hội hiện đại, con người và văn hóa chính là những nguồn lực quan trọng quyết định.

- Không nhất thiết phải chịu sự trói buộc của thực trạng kinh tế, hoặc chỉ là “đầu ra” của nền kinh tế, ngày nay, giáo dục là nền tảng và là phương thức tạo ra nguồn lực phát triển – “Tri thức đẻ ra tri thức, tri thức là thứ lấy không bao giờ cạn” (Alvin Toffler).

- Không nhất thiết *hiện đại hóa* phải đồng nhất với *phương Tây hóa*, các nước đi sau có thể và cần phải tìm những con đường riêng của mình để trở thành một xã hội hiện đại.

- Không nhất thiết phải phá bỏ các giá trị cũ hoặc “cứng nhắc rập khuôn”

các giá trị mới, trong tương quan với các giá trị ngoại sinh, giá trị truyền thống có thể hóa thân thành sức mạnh mới – hiếu học, cần cù, đồng thuận và trách nhiệm xã hội... là những giá trị không bao giờ cũ.

Cần phải nói vắn tắt về lịch sử kinh tế của 4 con rồng này để thấy rõ những điều gây ấn tượng vừa nêu.

3. Vào năm 1960, GDP (thực tế) của Hàn Quốc mới chỉ là 87 USD/người, Đài Loan 170 USD/người, Singapore 427 USD/người, Hongkong 1631 USD/người. Lúc đó tất cả đều không khác mấy những làng quê nghèo, nóng lạnh vì những vấn đề chính trị độc đoán và Singapore thì liên tục chao đảo vì những cuộc bạo loạn sắc tộc đẫm máu. Sau gần hai thập niên, GDP của Singapore năm 1985 là 10.811 USD/người, Hàn Quốc năm 1988 là 8.934 USD/người, Đài Loan năm 1987 là 9.992 USD/người, Hongkong năm 1990 là 9.896 USD/người. Nghĩa là đã vượt qua ngưỡng bị coi là nước nghèo (960 USD/người theo tiêu chuẩn của Liên Hợp Quốc, hoặc 875 USD/người theo tiêu chuẩn của Ngân hàng thế giới). Không rơi vào cái bẫy của sự phát triển và dừng lại ở đó, các nước này tiếp tục phát triển và trở thành NICs/NIEs. Đến năm 2005, GDP (tính theo PPP) của Hàn Quốc đã là 22.029 USD/người, Hongkong là 34.833 USD/người, Singapore là 29.663 USD/người. GDP của Đài Loan năm 2001 là 19.200 USD/người. Chỉ số phát triển con người (HDI) ở các nước này cũng rất cao: theo Báo cáo phát triển con người 2007/2008 thì Hongkong có chỉ số HDI là 0,937, xếp hạng 21/177 nước; Singapore – HDI là 0,925, xếp hạng 25/177 nước; Hàn Quốc – HDI là 0,921, xếp hạng 26/177

nước (Các số liệu này soạn và dẫn theo: 36, 39, 13, 31).

Cần nói thêm rằng, Singapore là một quốc gia độc lập, nhưng chỉ là một đảo quốc, có diện tích và dân số thua kém nhiều thành phố của các nước khác. Tuy vậy, với nền kinh tế mở, năng động vào loại bậc nhất thế giới, có sự kiểm soát, điều tiết vĩ mô rất nghiêm ngặt, từ giữa thập niên 80 trở lại đây Singapore là trung tâm tài chính thứ tư của thế giới sau New York, London và Tokyo. “Con đại bàng tài chính phương Đông” này là trung tâm dịch vụ, thương mại của hầu hết các công ty đa quốc gia trên thế giới, đồng thời là thị trường trao đổi ngoại tệ bậc nhất toàn cầu, mỗi ngày lượng ngoại tệ trao đổi lên đến hơn 100 tỷ USD. Trên thực tế, tiếng nói của đảo quốc bé nhỏ này nhiều khi ngang ngửa với một cường quốc.

Còn Hongkong, từ năm 1997 đã trở về với Trung Quốc; tuy từ đó nền kinh tế của đặc khu này có nảy sinh một số vấn đề nhất định, song vị trí quốc tế của Hongkong vẫn rất lớn và cũng như trước 1997, Hongkong vẫn là “con gà đẻ trứng vàng” của người Trung Hoa (xem:35).

4. Thật dễ hiểu tại sao sự lớn mạnh của các nước NICs/NIEs lại thường xuyên được chú trọng phân tích và tìm hiểu, mặc dù các nước này luôn bị phương Tây phê phán là độc tài, thiếu dân chủ hoặc có sự can thiệp của giới quân sự (xem: 9, 10). Khoảng đầu những năm 90, chính sự phát triển thần kỳ của các nước này đã là nguyên nhân khiến “các quan chức và giới kinh doanh Mỹ bị chỉ trích nhiều về việc không bắt chước thành công của mô hình châu Á” (xem: 9).

Truy tìm nguyên nhân của sự thần kỳ Đông Á, dĩ nhiên là phải phân tích

vai trò của các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội... Dễ thấy đây là khu vực suốt nửa thế kỷ nay luôn hưởng lợi từ các dòng vốn. Những năm 60-70, các nước thân Mỹ ở vùng này còn được hưởng lợi từ cuộc chiến tranh Việt Nam - ông Lý Quang Diệu cho rằng: “Cuộc chiến Việt Nam đã đem lại *thời gian* và tạo nên những *điều kiện* giúp khối phi cộng sản ở Đông Á theo con đường của Nhật và phát triển thành 4 con rồng...” (xem: 4). Ý kiến này, theo chúng tôi, cũng chẳng có gì là xa sự thật.

Tuy nhiên, ngoài những nguyên nhân vừa nói, điều đáng lưu ý là, hai chục năm nay, các học giả phương Tây lại chú ý nhiều đến những nguyên nhân thuộc về văn hóa. Nổi lên ở đây là *vai trò của Khổng giáo, của các giá trị châu Á, của những nét đặc thù về con người và văn hóa Á đông...*

Bởi vậy, trong khuôn khổ của những bàn luận về mô hình Đông Nam Á, chúng tôi thấy, những bài học kinh nghiệm để đi tới thịnh vượng mà người ta có thể tham khảo ở 4 con rồng, thường được nói đến là:

- Sử dụng nguồn lực có hiệu quả, chú trọng nội lực, đặc biệt nguồn lực con người.
- Đề cao văn hóa và giá trị truyền thống, đặc biệt văn hóa Nho giáo với các giá trị cần cù, yêu lao động, hiếu học, tôn trọng cộng đồng và gia đình...
- Đề cao đồng thuận và gắn kết xã hội tạo ra ý chí phát triển mạnh mẽ.
- Quản lý vĩ mô linh hoạt, có tầm nhìn dài hạn.

Với những điều vừa nêu, chúng tôi muốn một lần nữa cung cấp những thông tin cần thiết để vấn đề *mô hình*

Đông Á và Đông Nam Á mà GS. David Dapice và các chuyên gia Harvard đưa ra được nhìn nhận trong mối liên quan của nó với đời sống thực tế sôi động ở Đông Á mấy thập niên qua.

III. “Mô hình Đông Á và Đông Nam Á” của David Dapice và các cộng sự

1. Trong báo cáo của mình, GS. David Dapice và các chuyên gia Harvard nhận định rằng, ở khu vực Đông Nam Á, trước đây, một số nước đã có một thời tăng trưởng khá nhanh. “Malaysia từ 1969 tới 1995 tăng trưởng trung bình 7%/năm. Tương tự, Indonesia trong 3 thập kỷ 1976-1996, cũng tăng trưởng trung bình 6,8%/năm. Thailand duy trì ở mức 7,6%/năm trong gần 4 thập kỷ. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của các nước này hiện đã giảm, chỉ còn ở mức 4-6%. Vấn đề là sự suy giảm tăng trưởng ở các nước này xảy ra khi mức thu nhập trung bình của người dân còn tương đối thấp, ở Indonesia là 1.280 USD, ở Thailand là 2.700 USD, và ở Malaysia dưới 5.000 USD. Ngược lại, thu nhập trên đầu người của Hàn Quốc và Đài Loan hiện nay đều vượt mức 15.000 USD. Trong khu vực, chỉ có Hàn Quốc và Đài Loan (ngoại trừ Singapore và Nhật Bản) là hai nước duy nhất đã thành công trong việc đưa mức thu nhập trung bình của người dân vượt ngưỡng 10.000 USD” (xem: 11, tr.11)^(*). Điều đáng suy nghĩ là, “sau thế chiến thứ II, các nước Đông Á và Đông Nam Á đều trở lại cùng một vạch xuất phát từ mức thu nhập và phát triển thấp. Thế nhưng từ những năm 1960, các nước Đông Á đã bước vào một giai đoạn phát

^(*) Toàn bộ quan điểm của David Dapice và các chuyên gia Harvard trong bài được trích dẫn theo tài liệu số 11. Những chỗ in nghiêng là nhấn mạnh của chúng tôi.

triển chưa từng có trong lịch sử... So với Đông Nam Á thì các nền kinh tế Đông Á đã duy trì được tốc tăng trưởng cao hơn trong một thời gian dài hơn, và kết quả là các nước Đông Á (trừ Trung Quốc) đang nằm trong số những nước giàu nhất trên thế giới”.

“Ngược lại, ngay cả trong những lúc tăng trưởng nhanh nhất, các nước Đông Nam Á cũng chưa thể thực hiện được sự chuyển hóa về chính trị, kinh tế và xã hội như Đông Á. Đây là điểm khác biệt lớn giữa các nước Đông Á và các nước Đông Nam Á cũng như các nước đang phát triển nói chung. Cho đến nay, nền kinh tế của Đông Nam Á vẫn dựa vào việc khai thác lao động giá rẻ và tài nguyên tự nhiên. Nhiều nước Đông Nam Á đã phải qua những giai đoạn thăng trầm chính trị và biến động xã hội. Nhiều chính phủ ở đây đã bị suy yếu vì tham nhũng và chính trị bẩn thỉu. Biểu tình lớn, đảo chính quân sự đã từng lật đổ chính quyền ở Indonesia, Philippines và Thailand. Quá trình đô thị hóa ở những nước này diễn ra một cách hỗn loạn, với hàng triệu người sống lầy lắt trong các khu ổ chuột, dọc bờ sông hay bên rìa thành phố ở Jakarta, Bangkok và Manila. Dịch vụ giáo dục và y tế tốt là một điều gì đó xa xỉ, mà chỉ những người giàu mới có được”.

“Các nước Đông Á đã thành công hơn các nước Đông Nam Á gần như trên mọi phương diện...”. “Con đường của các nước Đông Á là con đường thẳng để đạt tới sự thịnh vượng, ổn định và kính trọng của cộng đồng quốc tế. Còn con đường của các nước Đông Nam Á thì vòng vèo và gồ ghề hơn, đưa các quốc gia này tới một hiện tại mong manh hơn và một tương lai bất định hơn, với nỗi ám ảnh của bất công và bất ổn. Đáng tiếc là dường như

Việt Nam lại đang đi lại con đường của các nước Đông Nam Á”.

2. Những “đặc trưng cơ bản của mô hình phát triển Đông Á” được David Dapice và các chuyên gia Harvard xác định, gồm:

- *Giáo dục*: “Các quốc gia Đông Á đầu tư hết sức mạnh mẽ cho giáo dục ở tất cả các cấp, có tầm nhìn chiến lược toàn diện cho sự phát triển nguồn lực con người...”, “xây dựng được một nền giáo dục và y tế đẳng cấp thế giới cho người dân của mình”.

Năm 1971, khi số kỹ sư ở các nước có mức thu nhập trung bình thời đó là 4,6/1.000 dân, thì ở Đài Loan tỷ lệ này là 8/1.000 và Singapore là 10/1.000. Ngay cả những chiến lược công nghệ có tính định hướng của các Chính phủ này cũng được bắt đầu bằng việc đầu tư vào vốn con người. Ngày nay, nhiều trường đại học của Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan nằm trong danh sách 100 trường đại học hàng đầu của châu Á. Ngoài Singapore, không một nước Đông Nam Á nào có trường đại học nằm trong danh sách này.

- *Cơ sở hạ tầng và đô thị hóa*: “Các nước Đông Á đạt được những kết quả đáng tự hào hơn nhiều so với các nước Đông Nam Á trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và đô thị hóa”. “Những thành phố của những quốc gia này năng động về mặt văn hóa, trật tự về mặt xã hội, và an toàn về mặt vệ sinh, môi trường”.

Thành phố ở Đông Á là động lực cho tăng trưởng và đổi mới kinh tế. Trong khi đó, thành phố ở các nước Đông Nam Á ô nhiễm, ùn tắc, đất đỏ, ngập nước, nghèo đói, tội phạm và bất lực trong việc cung cấp các dịch vụ đô thị cơ bản.

- *Phát triển doanh nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế*: “Đông Á thực hiện một chính sách kiên trì nhiều khi đến cực đoan trong việc theo đuổi kỹ năng, công nghệ và tri thức tiên tiến để giúp các doanh nghiệp của mình xâm nhập thị trường và hiện đại hóa sản xuất”.

Ở Đông Á, nhà nước căn cứ vào thành công trong kinh doanh để đánh giá các doanh nghiệp. Nhà nước xác định một ranh giới rạch ròi giữa những thể lực kinh tế và chính trị, thường xuyên từ chối nhu cầu ngay cả của những tập đoàn có thể lực nhất về mặt chính trị, khi lợi ích xã hội bị xâm phạm. Trong khi đó, ở Đông Nam Á, các quyết định của nhà nước thường bị chi phối và thao túng bởi các nhóm lợi ích, “Chủ nghĩa tư bản thân hữu” phổ biến trong nhiều nước hiện nay.

- *Hệ thống tài chính*: ở Đông Á, hệ thống tài chính năng động, hiệu quả và minh bạch hơn nhiều so với Đông Nam Á. “Các nước Đông Á dành một phần lớn thu nhập quốc dân cho các hoạt động đầu tư, và họ đã đầu tư một cách hiệu quả, nhà nước đóng vai trò then chốt trong việc điều tiết thị trường để giảm thiểu những rủi ro có tính hệ thống”.

Các nước Đông Nam Á đã thành công trong việc huy động một tỷ lệ đầu tư rất cao, nhưng lại thất bại trong việc lập lại kỳ tích tăng trưởng của các nước Đông Á, trong đó nguyên nhân chủ yếu là suất sinh lợi của các khoản đầu tư ở các nước Đông Nam Á thấp hơn nhiều. Tham nhũng chắc chắn là một trong những thủ phạm.

- *Hiệu năng của Nhà nước*: “Những quốc gia Đông Á đều tự hào vì có chính phủ năng động, hiệu quả, có quyền năng và xã hội tiên tiến”. “Đặc trưng cơ bản của mô hình phát triển Đông Á (được thể

hiện ở Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore) là khả năng của nhà nước trong việc áp đặt kỷ cương đối với các nhóm lợi ích, nhất là khi các nhóm này cản trở nền kinh tế trở nên có tính cạnh tranh hơn”. “Các nước Đông Á thành công là nhờ có chính sách đúng đắn trong 6 lĩnh vực then chốt, bao gồm giáo dục, cơ sở hạ tầng và đô thị hóa, doanh nghiệp cạnh tranh quốc tế, hệ thống tài chính, hiệu năng của nhà nước và công bằng”.

- *Công bằng xã hội*: “Một trong những đặc điểm quan trọng của mô hình Đông Á là sự tăng trưởng nhanh về kinh tế được kết hợp với sự phân phối thu nhập tương đối đồng đều. Ngay cả khi có mức thu nhập cao như hiện nay, phân phối thu nhập ở Hàn Quốc và Đài Loan cũng vẫn đồng đều hơn so với Malaysia, Philippines, Thailand, Singapore và Việt Nam”.

- Ngoài ra, “Đông Á còn có thể tạo ra những quyết tâm chính trị mạnh mẽ để thay đổi khi cần thiết”.

Hàn Quốc đã phản ứng một cách mãnh mẽ trước những yếu kém trong cấu trúc nền kinh tế mà họ nhận ra được từ cuộc khủng hoảng 1997 và sau đó đã trở dậy vững vàng hơn.

3. Chúng tôi cố gắng tóm lược một cách trung thành ý kiến của David Dapice và các cộng sự như trên cốt để thấy rõ hơn quan niệm của các tác giả về đặc trưng của mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á.

Nếu căn cứ vào câu chữ trong văn bản Báo cáo, thì cái mà các tác giả gọi là “đặc trưng”, “đặc điểm quan trọng” của mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á, chỉ xuất hiện vài lần. Tuy nhiên, căn cứ vào tinh thần chung toát lên từ toàn bộ Báo cáo thì đặc trưng của hai mô hình phát triển này lại là toàn

bộ những gì không thành công ở Đông Nam Á để tìm ra những quan niệm, chủ trương, cách làm hoặc hiệu quả,... không giống nhau, trái ngược nhau, mâu thuẫn với nhau... Về thực chất, chẳng qua đây chỉ là phương pháp so sánh trong nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu này có cái hay của nó là cho phép làm lộ ra những điểm mạnh, điểm yếu, đặc biệt là những khiếm khuyết, những thiếu hụt cũng như những cái chưa hoàn thiện... ở đối tượng được so sánh. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có hạn chế của nó, đặc biệt khi người ta đem so sánh những đối tượng mà về nguyên tắc lại không thể so sánh với nhau. Vấn đề này tương đối khó, xin được bàn trong một dịp khác.

Ở đây, chúng tôi chỉ xin lưu ý rằng, những hiện tượng không giống nhau, trái ngược nhau, mâu thuẫn với nhau mà David Dapice và các cộng sự đem so sánh giữa Đông Á và Đông Nam Á, chưa chắc đã phải là đặc trưng cho Đông Á và Đông Nam Á, càng chưa chắc đã phải là đặc trưng cho 2 loại mô hình phát triển được gọi là Đông Á và Đông Nam Á. Cái mà Đông Á khác với Đông Nam Á chắc gì đã là đặc trưng, nếu có là đặc trưng cũng chắc gì đã là đặc trưng của mô hình phát triển đại diện cho cả khu vực.

Tuy nhiên, thực ra mối bận tâm của các tác giả không nằm ở mô hình phát triển với lý thuyết về cấu trúc và logic phức tạp của nó. Các tác giả chú ý đến thực tế phát triển và kinh nghiệm phát triển của Đông Á mà Việt Nam và các nước đi sau có thể tham khảo. Trong chừng mực làm bài học kinh nghiệm cho các nước đi sau, những khác biệt mà David Dapice và các cộng sự đã kết luận trong Báo cáo, theo chúng tôi, là những nội dung có ý nghĩa. Xin được nhắc lại

những nội dung đó theo yêu cầu của một bàn luận về mô hình phát triển.

ĐẶC TRƯNG CỦA MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔNG Á

**Theo David Dapice
và các chuyên gia Harvard**

1. Đầu tư mạnh mẽ cho giáo dục ở tất cả các cấp, có tầm nhìn chiến lược toàn diện cho sự phát triển nguồn lực con người.
2. Xây dựng những thành phố năng động về mặt văn hóa, trật tự về mặt xã hội, và an toàn về mặt vệ sinh, môi trường, làm động lực cho tăng trưởng và đổi mới kinh tế.
3. Thực hiện chính sách kiên trì trong việc theo đuổi kỹ năng, công nghệ và tri thức tiên tiến để giúp các doanh nghiệp của mình.
4. Hệ thống tài chính đầu tư một cách hiệu quả; nhà nước đóng vai trò then chốt trong việc điều tiết thị trường để giảm thiểu những rủi ro có tính hệ thống.
5. Nhà nước có năng lực trong việc áp đặt kỷ cương đối với các nhóm lợi ích.
6. Tăng trưởng nhanh về kinh tế được kết hợp với sự phân phối thu nhập tương đối đồng đều.
7. Có thể tạo ra những quyết tâm chính trị mạnh mẽ để thay đổi khi cần thiết.

(còn nữa, kỳ sau đăng tiếp)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản sắc Đài Loan.
http://www.bbc.co.uk/vietnamese/specials/1053_vietaiwanpage/
2. Bush chứng kiến sự “phấn khởi ở Việt Nam”. BBC Vietnamese.com, 17/11/2006.

3. Hyondok Choe. Civil Society and Market Economy in Korea. The principle of "Publicity" in the context of Neo-liberalism. International Conference "Social Responsibility in the context of Market Economy". Haiphong, Feb., 12-15th, 2009.
4. Lý Quang Diệu. Cuộc chiến Việt Nam có lợi cho châu Á. http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2006/10/061013_lee_warcomment.shtml
5. Trần Hữu Dũng. Dân chủ và phát triển: Lý thuyết và chứng cứ. Tạp chí Thời đại mới, số 10, tháng 3/2007. http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai10/200710_THDung.htm#_ftn5
6. Trần Hữu Dũng. Về kinh nghiệm phát triển: Đọc Rodrik và Chang, hai kẻ nghi ngờ. Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Số Tết Dương lịch 2009.
7. William Easterly. The Ideology of Development. *Foreign Policy*, July/August, 2007.
8. EIU (Economist Intelligence Unit). Foresight 2020: Economic, industry and corporate trends. http://www.eiu.com/site_info.asp?info_name=eiu_Cisco_Foresight_2020&rf=0
9. Francis Fukuyama. Asian Value and the Asian Crisis. *Commentary*, Feb., 1998.
10. Francis Fukuyama. Samuel Huntington, 1927-2008. *The American Interest Online*. Dec., 29th, 2008. <http://the-american-interest.com/contd/?p=688>
11. Harvard University (John F. Kennedy School of Government). Chương trình châu Á (2008). Lựa chọn Thành công: Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam. <http://www.undp.org.vn/undpLive/System/Publications/Publication-Details?contentId=2648&languageId=4>
12. Phạm Duy Hiển. Khoa học và đại học ở Việt Nam qua những công bố quốc tế gần đây. <http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=76&CategoryID=3&News=2518.07:54-10/11/2008>
13. Hong Kong (China SAR). <http://islands.unep.ch/CGF.htm>
14. Hồ Thiệu Hùng. Bài học hóa rồng của Ireland. <http://lamhong.sky.vn/archives/408.10/03/2008>
15. Vũ Minh Khương. Đảng cấp phát triển: Việt Nam chọn Đông Á hay Đông Nam Á? <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/0>
16. Vũ Minh Khương. Nền móng phát triển và mệnh lệnh cải cách. <http://www.tuanvietnam.net/vn/thongtindachieu/3956/index.aspx.9/6/2008>
17. Il Houng Lee. Việt Nam đuổi kịp Singapore: cần 197 năm. www2.dantri.com.vn 16/3/2006.
18. C. Li. Confucian value and democratic value. *The Journal of Value Inquiry*. Vol. 31, No 2, June 1997, pp. 183-193.
19. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam. Các mục tiêu thiên niên kỷ. Xóa bỏ khoảng cách thiên niên kỷ. Báo cáo tiến độ thực hiện các MDG. H.:2003.
20. Litan. Nghịch lý của chiến lược đuổi kịp – Tư duy lại mô hình phát triển kinh tế dựa vào nhà nước. Tp. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2008.
21. Duncan Mavin. Vietnam: what happened to the next Asian Tiger? *Financial Post*. December 05, 2008.
22. Phan Ngọc. Văn hóa Việt Nam thiết tha với cuộc sống con người. *Văn nghệ Trẻ*, số 4, ngày 23/01/2005.

23. Douglas North. Institutions, Institutional Change, and Economic Performance, New York: Cambridge University Press, 1990.
24. “Ông WTO”: Xem lại tư duy kinh tế và mô hình phát triển.
<http://www.tuanvietnam.net/vn/sukiennonghomnay/5738/index.aspx>
25. Dwight H. Perkins, David Dapice, Jonathan H. Haughton. Việt Nam cải cách theo hướng rộng bay. H.: Chính trị quốc gia, 1994.
26. Peter Preston. Development Theory: An Introduction to the Analysis of Complex Change. Wiley-Blackwell, 1996.
27. Peter Preston. Rethinking Development. Routledge & Kegan Paul Books Ltd., 1988.
28. Martin Rama. Những quyết sách khó khăn: Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi. (Commission on Growth and Development. Working paper No 40).
<http://www.ebook.edu.vn/?page=1.1&view=8154>
29. William Ratliff. Vietnam's War With Progress. The Economics. November 11, 2008.
<http://www.feer.com/economics/2008/november/Vietnams-War-with-Progress>.
30. Dani Rodrik. East Asian Mysteries: Past and Present.
<http://www.nber.org/reporter/spring99/rodrik.html>
31. Singapore GDP-per capita.
[http://indexmundi.com/singapore/gdp_per_capita_\(ppp\).html](http://indexmundi.com/singapore/gdp_per_capita_(ppp).html)
32. Dwight Perkins. Industrial and Financial Policy in China and Vietnam: a New Model or a Relay of the east asian experience (Chapter 6 in Rethinking the East Asia Miracle, edited by Joseph Stiglitz and Shahid yusuf, World Bank, 2001).
33. Carl Thayer. Việt Nam trong quan hệ với ASEAN và Trung Quốc.
<http://www.sgt.com.vn/Detail23.aspx?Columnid=23&newsid=46096&fld=HTMG/2009/0113/46096>
34. Trần Văn Thọ. Phát triển – Kinh nghiệm một số nước Á châu.
<http://www.tuanvietnam.net/news/InTin.aspx?alias=nghexemdoc&msgid=4565>. 20/8/2008.
35. Michael P. Todaro. Kinh tế học cho thế giới thứ ba. H.: Giáo dục, 1998.
36. UNDP. Human Development Report (2007/2008).
37. David G. Victor. Recovering Sustainable Development. *Foreign Affairs*, Jan/Feb 2006, Vol. 85, No.1, p. 91-103.
38. Y.C. Richard Wong,. Understanding Rapid Economic Growth: A New Tale of the Four Asian Dragons. (HKCER Letters, Vol. 30, January, 1995).
<http://www.hku.hk/hkcer/articles/v30/alwyn.htm>
39. Robert F. Wescott. Global Economic Growth Prospects: 2007 and Beyond.
www.sace.it/GruppoSACE/export/sites/default/download/Wescott2.ppt